BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 63/2008/QĐ-BTC	*Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2008*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành mã nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ ngân sách nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mã nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước áp dụng cho việc thể hiện dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền quyết định; dự toán của cấp có thẩm quyền giao cho các đơn vị dự toán cấp I cùng cấp và số bổ sung cho cấp dưới (nếu có); phân bổ dự toán được giao của các đơn vị dự toán cấp I cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc hàng năm vào Hệ thống thông tin quản lý ngân sách - kho bạc (Tabmis) theo biểu đính kèm và thực hiện từ năm ngân sách 2009. Trong đó:

- Tổng chi NSNN sử dụng 1 mã số là 800.

- Tổng chi cân đối ngân sách sử dụng 1 mã số là 810.

- Chi đầu tư phát triển sử dụng 40 mã số từ 820 đến 859, trong đó mã số tổng hợp chi đầu tư phát triển là 820.

- Chi thường xuyên sử dụng 50 mã số từ 860 đến 909, trong đó mã số tổng hợp chi thường xuyên là 860.

- Chi trả nợ trong nước sử dụng 3 mã số từ 910 đến 912, trong đó mã số tổng hợp chi trả nợ trong nước là 910.

- Chi trả nợ ngoài nước sử dụng 3 mã số từ 920 đến 922, trong đó mã số tổng hợp chi trả nợ ngoài nước là 920.

- Các khoản chi còn lại sử dụng 19 mã số từ 931 đến 949.

- Chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới sử dụng 1 mã số là 950.

- Chi từ các khoản thu quản lý qua ngân sách nhà nước sử dụng 29 mã số từ 960 đến 998, trong đó mã số tổng hợp chi từ các khoản thu quản lý qua ngân sách nhà nước là 960.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Cơ quan tài chính các cấp ở địa phương có trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định này. Vụ trưởng Vụ ngân sách nhà nước, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở TW;
- Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, Vụ NSNN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Công Nghiệp

BIỂU MÃ NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 63/2008/QĐ-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mã nhiệm vụ chi NSNN	Chỉ tiêu
600	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH**
810	**Tổng chi cân đối ngân sách**
820	**Chi đầu tư phát triển:**
821	Chi đầu tư xây dựng cơ bản
822	Chi xây dựng CSHT bằng nguồn thu tiền sử dụng đất
823	Chi xây dựng CSHT từ nguồn vốn huy động theo khoản 3 điều 8 Luật NSNN
824	Chi xúc tiến thương mại, du lịch, đầu tư
825	Chi góp vốn cổ phần các tổ chức tài chính quốc tế
826	Chi bù chênh lệch lãi suất tín dụng ưu đãi
827	Chi cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn
828	Chi bổ sung vốn và hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp hàng hoá, dịch vụ công ích; doanh nghiệp khu kinh tế quốc phòng
829	Chi bổ sung dự trữ quốc gia
831	Chi cấp vốn điều lệ
859	Chi đầu tư phát triển khác
860	**Chi thường xuyên**
861	Chi quốc phòng
862	Chi an ninh
863	Chi đặc biệt
864	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề
865	Chi sự nghiệp y tế
866	Chi Dân số và KHH gia đình
867	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ
868	Chi sự nghiệp văn hoá - thông tin
869	Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình - thông tấn
871	Chi sự nghiệp Thể dục - thể thao
872	Chi lương hưu và đảm bảo xã hội
873	Chi sự nghiệp kinh tế
874	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường
875	Chi quản lý hành chính nhá nước, Đảng, đoàn thể
876	Chi trợ giá mặt hàng chính sách
877	Chi khác ngân sách
909	Chi thường xuyên khác
910	**Chi trả nợ trong nước**
911	Chi trả nợ lãi trong nước
912	Chi trả nợ gốc trong nước
920	**Chi trả nợ ngoài nước**
921	Chi trả nợ lãi ngoài nước
922	Chi trả nợ gốc ngoài nước
931	**Chi viện trợ**
932	**Dự phòng**
933	**Chi cải cách tiền lương**
934	**Chi lập Quỹ dự trữ tài chính**
949	**Các khoản chi còn lại**
950	**Bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới**
960	**Chi từ các khoản thu quản lý qua NSNN**
961	Chi từ nguồn thu phí sử dụng đường bộ
962	Chi từ nguồn thu phí sử dụng và tiền thuê cơ sở hạ tầng đường sắt, tiền thanh lý và thu hồi
963	Chi từ nguồn thu phí đảm bảo an toàn hàng hải
964	Chi từ nguồn thu các loại phí, lệ phí khác và đóng góp xây dựng hạ tầng; thu, chi tại xã
965	Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết
966	Chi đầu tư từ nguồn trái phiếu Chính phủ
967	Chi từ nguồn vay ngoài nước về cho vay lại
998	Chi từ khoản thu quản lý qua NSNN khác